

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG  
THÔN  
Số: 176/QĐ-BTS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2006

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành một số Quy định tạm thời đối với tôm chân trắng

### BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;  
Căn cứ Pháp lệnh giống vật nuôi số 16/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24 tháng 3 năm 2004;  
Căn cứ Pháp lệnh Thú y ban hành kèm theo Lệnh số 06/2004/L/CTN ngày 12 tháng 5 năm 2004;  
Căn cứ Nghị định số 43/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thủy sản;  
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ,

### QUYẾT ĐỊNH :

**Điều 1.** Ban hành 04 Quy định tạm thời đối với tôm chân trắng như sau :

1. Yêu cầu chung đối với Trại sản xuất tôm chân trắng giống;
2. Yêu cầu kỹ thuật đối với tôm chân trắng bố mẹ;
3. Yêu cầu kỹ thuật đối với tôm chân trắng giống;
4. Quy định về vùng nuôi tôm chân trắng.

**Điều 2.** Những Quy định tạm thời trên là cơ sở cho việc quản lý, kiểm tra, đánh giá và công nhận:

- Trại sản xuất tôm chân trắng giống đạt yêu cầu đảm bảo chất lượng và vệ sinh thú y thủy sản;
- Tôm chân trắng bố mẹ đảm bảo chất lượng để sản xuất giống;
- Tôm chân trắng giống đảm bảo chất lượng để nuôi thương phẩm;

- Hoạt động nuôi tôm chân trắng ở các địa phương phù hợp quy định của Bộ Thủy sản.

**Điều 3.** Các quy định trên đây áp dụng đối với các tỉnh từ Quảng Ninh đến Bình Thuận.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Bộ; Thủ trưởng các Vụ, Cục, Thanh tra Bộ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ; Giám đốc các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản; các cơ sở sản xuất giống và nuôi tôm chân trắng; các đơn vị có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**KT. BỘ TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Việt Thắng**

## **QUY ĐỊNH TẠM THỜI**

### **Yêu cầu chung đối với trại sản xuất tôm chân trắng giống**

*(Kèm theo Quyết định số 176/QĐ-BTS ngày 01/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản)*

---

#### **1. Phạm vi áp dụng**

Quy định này áp dụng cho các cơ sở sản xuất nhân tạo tôm chân trắng giống (*Litopenaeus vannamei* Boone, 1931 hoặc *Penaeus vannamei* Boone, 1931).

#### **2. Yêu cầu về địa điểm xây dựng trại giống**

##### **2.1 Vị trí xây dựng Trại.**

2.1.1 Nơi có nguồn nước mặn tương đối ổn định trong năm và phù hợp với quy hoạch phát triển của ngành Thủy sản địa phương.

2.1.2 Phải được tách biệt với trại sản xuất tôm giống và vùng nuôi tôm bản địa

2.1.3 Môi trường đất và nước không bị nhiễm bẩn bởi chất thải của khu dân cư, khu công nghiệp, bến cảng, dầu khí và thuốc bảo vệ thực vật nông nghiệp.

##### **2.2 Nguồn nước**

### 2.2.1 Nước mặn

Sử dụng nguồn nước biển có độ mặn không dưới 28‰. Nguồn nước sạch đảm bảo các chỉ tiêu lý, hoá học theo đúng quy định của Bộ Thủy sản về yêu cầu chất lượng nước mặn để sản xuất tôm giống.

### 2.2.2 Nước ngọt

Sử dụng nguồn nước ngọt đảm bảo các chỉ tiêu lý, hoá học theo đúng quy định của Bộ Thủy sản về yêu cầu chất lượng nước ngọt để sản xuất tôm giống.

## 2.3 Yêu cầu kinh tế kỹ thuật khác

a. Thuận tiện giao thông

b. Có nguồn điện chủ động cho sản xuất.

## 3. Yêu cầu về công trình xây dựng và trang thiết bị

3.1 Quy cách, số lượng của các công trình xây dựng và trang thiết bị của Trại sản xuất tôm giống phải đáp ứng để sản xuất tối thiểu 250 triệu Post larvae 12 ngày tuổi (PL.12)/năm.

3.2 Các công trình của trại phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau :

### 3.2.1 Hệ thống bể nuôi tôm bố mẹ, bể giao vĩ và bể cho đẻ

a. Nền nhà đặt các bể nêu trên phải được lát bằng vật liệu không thấm nước, dễ thoát nước, dễ vệ sinh và khử trùng.

b. Dung tích các loại bể nói trên phải đảm bảo để sản xuất tối thiểu 250 triệu PL.12/năm.

### 3.2.2 Hệ thống bể ương nuôi ấu trùng và ấp trứng Artemia.

a. Hệ thống bể ương nuôi ấu trùng và ấp trứng Artemia được bố trí độc lập nằm trong nhà bao che được bố trí ánh sáng hợp lý.

b. Nền nhà đặt các bể nêu trên phải được lát bằng vật liệu dễ thoát nước, dễ vệ sinh và khử trùng.

### 3.2.3 Nhà lưu giữ và nuôi sinh khối tảo.

a. Nhà lưu giữ tảo giống phải được trang bị điều hoà nhiệt độ, đèn neon và thiết bị lọc, sục khí sạch.

b. Nhà nuôi sinh khối tảo phải đảm bảo vệ sinh và vô trùng.

3.2.4 Hệ thống cung cấp nước cho trại sản xuất tôm giống gồm : trạm bơm đầu nguồn, bể lắng, bể xử lý nước, bể lọc nước và bể chứa nước đã lọc phải đảm bảo cung cấp đủ nước sạch đáp ứng công suất của trại.

3.2.5 Hệ thống xử lý nước thải.

a. Hệ thống đường nước thải phải được thiết kế theo nguyên tắc đảm bảo nước thoát nhanh, không bị ứ đọng trong quá trình sản xuất, côn trùng và vật gây hại không theo đường thoát nước xâm nhập vào trại.

b. Bể xử lý nước thải phải được thiết kế đảm bảo xử lý được lượng thải của cả hệ thống. Nước thải sau xử lý đảm bảo yêu cầu về chất lượng nước thải theo quy định của Bộ Thủy sản.

c. Bể chứa nước thải phải tách biệt khu sản xuất, không gây ô nhiễm ngược lại khu sản xuất.

3.2.6 Nhà đặt máy và kho vật tư thiết bị

a. Nhà đặt máy phải đảm bảo được xây dựng không liền kề với nguồn cung cấp nước và khu nhà sản xuất.

b. Kho vật tư thiết bị được xây dựng riêng biệt với nhà đặt máy.

#### **4. Yêu cầu đảm bảo vệ sinh thú y thủy sản**

4.1 Thực hiện biện pháp vệ sinh khử trùng đối với người và phương tiện trước khi vào khu sản xuất. Tiêu độc, xử lý hệ thống trại sau mỗi đợt cho đẻ và sau khi dịch bệnh xảy ra.

4.2 Trang thiết bị, dụng cụ sử dụng chuyên dùng đảm bảo vệ sinh.

4.3 Bảo quản, sử dụng thuốc, chế phẩm sinh học, thức ăn theo Quy định của Bộ Thủy sản.

#### **5. Quản lý hoạt động trại sản xuất**

5.1 Có hồ sơ lưu (ghi chép hàng ngày)

5.2 Có giấy chứng nhận kiểm dịch của các lô hàng nhập/xuất trại.

### **QUY ĐỊNH TẠM THỜI**

**Yêu cầu kỹ thuật đối với tôm chân trắng bố mẹ**

## 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy định này áp dụng đối với chất lượng tôm chân trắng (*Litopenaeus vannamei* Boone, 1931 và *Penaeus vannamei* Boone, 1931) được sử dụng để nuôi vỗ thành thực và cho đẻ.

## 2. Nguồn gốc tôm bố mẹ

2.1 Tôm bố mẹ phải là dòng sạch bệnh (dòng SPF - Specific Pathogen Free) hoặc dòng kháng bệnh (dòng SPR - Specific Pathogen Resistant), có chứng chỉ gốc xuất xứ và kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền.

2.2 Nếu tôm bố mẹ được ương nuôi từ postlarvae 12 - 15 ngày tuổi thì phải đảm bảo các điều kiện sau :

- PL 12-15 được sản xuất từ dòng SPF hoặc SPR, có chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ và kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền.
- Quá trình ương nuôi PL12-15 thành tôm hậu bị phải được tiến hành trong bể có kiểm soát các yếu tố môi trường và bệnh.
- Tôm hậu bị phải được kiểm tra đảm bảo sạch bệnh trước khi tuyển chọn thành tôm bố mẹ để nuôi thành thực và cho đẻ.

2.3 Không tuyển chọn tôm bố mẹ từ nguồn tôm nuôi thương phẩm tại các ao đầm.

## 3. Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Chọn tôm bố mẹ cho nuôi vỗ thành thực

Chất lượng tôm bố mẹ để nuôi vỗ thành thực phải theo đúng yêu cầu kỹ thuật được quy định trong Bảng 1.

**Bảng 1** - Yêu cầu kỹ thuật chọn tôm bố mẹ nuôi vỗ thành thực

| TT | Chỉ tiêu                        | Yêu cầu kỹ thuật                           |    |
|----|---------------------------------|--------------------------------------------|----|
| 1  | Khối lượng (g)<br>Không nhỏ hơn | 35                                         | 40 |
| 2  | Ngoại hình                      | - Cơ thể nguyên vẹn, cân đối, vỏ không thô |    |